

Ngày thi: 08/12/2014

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15			15		15				55	100		
1	178224853	Hoàng Như Bón	T17XDCB	9			6.5		6				4	5.4	Năm phẩy Bốn	
2	178224854	Trần Xuân Nam	T17XDCB	8			6		6				3	0.0	Không	
3	178224855	Trương Tấn Hải	T17XDCB	10			7		6				7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu	
4	178224856	Nguyễn Văn Hà	T17XDCB	9			7		6.5				5.5	6.4	Sáu phẩy Bốn	
5	178224857	Phạm Lộc	T17XDCB	9			9		7				8	8.2	Tám phẩy Hai	
6	178224858	Trần Trọng Anh	T17XDCB	10			9		8.5				8.8	9.0	Chín	
7	178224859	Vương Trần Lộc	T17XDCB	10			9		8.5				9.5	9.4	Chín phẩy Bốn	
8	178224861	Trần Văn Tuấn	T17XDCB	10			8		8				7	7.8	Bảy phẩy Tám	
9	178224862	Cao Bá Long	T17XDCB	7			6		6				6.3	6.3	Sáu phẩy Ba	
10	178224863	Nguyễn Đức Thọ	T17XDCB	10			7		7				6	6.9	Sáu phẩy Chín	
11	178224864	Mai Xuân Lan	T17XDCB	10			7		7				6	6.9	Sáu phẩy Chín	
12	178224868	Đoàn Gia Huynh	T17XDCB	10			8		8				4	6.1	Sáu phẩy Một	
13	178224869	Phan Hữu Tài	T17XDCB	10			8		9				7	7.9	Bảy phẩy Chín	
14	178224870	Hồ Quang Thông	T17XDCB	5			6		6.5				5.3	5.5	Năm phẩy Năm	
15	178224872	Đình Văn Long	T17XDCB	8			6		6				4	5.2	Năm phẩy Hai	
16	178224873	Trần Văn Cường	T17XDCB	8			7		6				6	6.5	Sáu phẩy Năm	
17	178224874	Đình Văn Dương	T17XDCB	8.5			8.5		7				6	6.9	Sáu phẩy Chín	
18	178224877	Lưu Hồng Thái	T17XDCB	9			7.5		7				6	6.8	Sáu phẩy Tám	
19	178224879	Trần Văn Chí	T17XDCB	10			7		6.5				5	6.3	Sáu phẩy Ba	
20	168222063	Nguyễn Đông Anh	T17XDCB	9			7.5		7				6.5	7.1	Bảy phẩy Một	
21	178223000	Mai Quý Định	T17XDCB	6			5		4				5.8	5.4	Năm phẩy Bốn	
22	178223004	Lý Xuân Hiếu	T17XDC	9			6.5		6				4	5.4	Năm phẩy Bốn	18912DT

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	20	95%	
2	Số sinh viên nợ	1	5%	
TỔNG CỘNG :		21	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 12 năm 2014
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)

Phan Thanh Tâm

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Ân